

Bản án số: 96 /2018/HNGĐ-ST

Ngày 24-9-2018

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Mộng Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Trường

Bà Huỳnh Thị Sương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Chúc – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 259/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2018 theo quyết định chuyển vụ án số 09/2018/QĐST –HNGD ngày 16 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2018/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2018 (quyết định hoãn phiên tòa số: 57/2018/QĐST – HNGD) giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1989, ĐKTT: ấp T, xã X, huyện B, tỉnh Bến Tre. Chỗ ở hiện nay: số 174/33/42, đường T, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2/ Bị đơn: Anh Trần Hoàng P, sinh năm 1986, ĐKTT: ấp T, xã X, huyện B, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/3/2018 trong quá trình tố tụng, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Nguyễn Thị P trình bày:

Chị và anh Trần Hoàng P kết hôn vào năm 2012 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện B, tỉnh Bến Tre. Sau khi kết hôn,

vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh P không tin tưởng chị, hay nghi ngờ tình cảm của chị rồi ghen tuông vô cớ, nghi ngờ chị cất dấu tiền bạc làm của riêng, không tôn trọng gia đình chị nên dẫn đến cuộc sống thường xuyên cự cãi, gây gổ bất hòa. Có lúc vợ chồng cự cãi với nhau thì anh P lại có hành vi đánh đập chị. Từ đó mà tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, không có hạnh phúc, cả một thời gian dài vợ chồng sống chung nhà nhưng không ai nói tới ai, không có quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Từ tháng 01 năm 2018 thì vợ chồng sống ly thân đến nay. Trong thời gian sống ly thân, hai bên không có liên lạc để hàn gắn tình cảm. Nay xác định tình cảm vợ chồng đã không còn nên chị yêu cầu ly hôn với anh P.

Về con chung: có 01 con chung là Trần Minh Đ, sinh ngày 6/3/2014 hiện đang sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Trong quá trình tố tụng bị đơn anh Trần Hoàng P trình bày:

Anh và chị P kết hôn vào năm 2012 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện B, tỉnh Bến Tre. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc. Đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chung sống với nhau nhưng chị P không thành thật với anh trong vấn đề chi tiêu tiền bạc của vợ chồng, không tôn trọng anh, không quan tâm chăm sóc con cái, còn có quan hệ qua lại với người khác nên dẫn đến thường xuyên cự cãi, trong khi cự cãi anh có nóng giận đánh P 01 bạt tay từ đó tình cảm vợ chồng rạn nứt. Từ tháng 01 năm 2018 thì vợ chồng sống ly thân đến nay. Nay anh cũng xác định tình cảm vợ chồng đã không còn nên anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị P.

Con chung là Trần Minh Đ, sinh ngày 6/3/2014 hiện đang sống với chị. P. Khi ly hôn, anh yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thấy rằng Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng; thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư khách quan, độc lập khi xét xử; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn Trần Hoàng P đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 2 để xét xử nhưng vắng mặt do đó, vụ án được đưa ra xét xử là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Về hôn nhân chị P xin ly hôn với anh Trần Hoàng P và anh P cũng đồng ý ly hôn với chị P nên đề nghị ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị P và anh P; Con

chung: Trần Minh Đ hiện do chị P đang nuôi dưỡng bé đang ổn định với cuộc sống với mẹ nên đề nghị để con chung cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng, ghi nhận chị P tự nguyện không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Trần Hoàng P là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh P theo quy định tại khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P và anh Trần Hoàng P kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện B, tỉnh Bến Tre vào ngày 29/01/2013 nên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, do không tin tưởng nhau, không tôn trọng nhau nên nảy sinh nghi ngờ ghen tuông nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng luôn gây cãi bất hoà không hạnh phúc nên đã ly thân từ tháng 01/2018 đến nay. Trong thời gian ly thân, hai bên vẫn không thể hòa giải, không thể khắc phục những bất đồng nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và không còn khả năng hàn gắn nên chị P xin ly hôn với anh P và anh P cũng đồng ý ly hôn với chị P. Xét sự thỏa thuận trên là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử ghi nhận

[3] Trong quá trình chung sống với nhau, chị P và anh P có 01 con chung là Trần Minh Đ, sinh ngày 06/03/2014 hiện đang sống cùng với chị P. Khi ly hôn, chị P và anh P đều yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cần phải xem xét mọi mặt về quyền lợi của con chung. Hiện tại con chung của chị P và anh P đang sống với chị P, có cuộc sống và sinh hoạt ổn định. Bé mạnh khỏe và học hành chăm ngoan, chị P có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, có tiền dư gửi tiết kiệm ngân hàng. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định giao cho chị P được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Trần Minh Đ sẽ đảm bảo quyền và lợi ích mọi mặt cho con chung và phù hợp với quy

định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi ly hôn, anh Trần Hoàng P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Ghi nhận sự tự nguyện của chị P không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét .

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), nguyên đơn chị P phải nộp theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị P và anh Trần Hoàng P.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Minh Đ, sinh ngày 06/03/2014 cho chị Nguyễn Thị P được quyền tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị P không yêu cầu anh Trần Hoàng P phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh Trần Hoàng P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Trường hợp anh P lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Lài có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con. Vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp của con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị P phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0028771 ngày 20/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh. Chị P đã nộp xong án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị P có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn anh Trần Hoàng P có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- THADS Quận G, tp Hồ Chí Minh;
- UBND xã X;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Đặng Mộng Tuyền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Trường

Trịnh Thị Hồng Thắm

Nguyễn Duy Linh